

Bản án số: 09 /2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/02/2024

V/v: *Chị Nguyễn Thị Th xin ly hôn*

Anh Nguyễn Huy Ch

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T O
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

Ông Nguyễn Bá Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T O, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T O: Ông Mai Lương Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T O - TP. Hà Nội xét xử công khai vụ án thụ lý số: 247/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978*

Trú tại: Số nhà 5 thôn K, xã T, huyện T O, T.P Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn : *Anh Nguyễn Huy Ch, sinh năm 1972*

Trú tại: Xóm 9 Thôn Đ, xã T, huyện T O, TP. Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Th trình bày: Sau thời gian tìm hiểu hoàn toàn tự nguyện, ngày 08/10/2004 chị và anh Nguyễn Huy Ch đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T O, Thành phố Hà Nội và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo P tục. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình chồng tại xóm 9 Thôn Đ, xã T, huyện T O, TP. Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hạnh phúc, vợ chồng; vợ chồng ly thân từ năm 2006 đến nay, chị Th đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, một mình chị nuôi con. Nay, chị thấy vợ chồng không còn tình cảm và đề nghị được ly hôn anh Ch.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Huy P, SN15/7/2005, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu P ở với chị, hiện nay cháu đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Huy Ch vắng mặt; Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa án giải quyết nhưng bị đơn không đến. Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương đến nhà anh Ch để thực hiện các hoạt động tố tụng song anh Ch không có nhà; Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng và lấy lời khai của bà Phạm Thị Nhân (là mẹ đẻ anh Ch) : Tại biên bản lấy lời khai bà Nhân trình bày: Cháu Ch và cháu Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã sống ly thân hơn 10 năm, hiện nay cháu Ch đi làm thỉnh thoảng mới về, việc cháu Th xin ly hôn cháu Ch đã biết và đồng ý ly hôn, tôi đã nhận các văn bản của Tòa án và báo cho cháu Ch. Việc cháu Th xin ly hôn thì tùy các cháu bà không có ý kiến gì, các cháu có 01 con chung, đang ở với mẹ. Vợ chồng Ch Th không có tài sản chung, không có đóng góp gì trong khối tài sản nhà chồng.

Tại phiên tòa anh Ch vắng mặt; Chị Th có mặt và giữ nguyên quan điểm như trên và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Huy Ch.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Ch là trầm trọng, đã có thời gian dài sống ly thân. Đề nghị Tòa án cho chị Th được ly hôn anh Ch; Con chung là Nguyễn Huy P, sinh ngày 15/7/2005 hiện đã trưởng thành nên không xem xét; Về tài sản và công nợ: Do quá trình giải quyết vụ án anh Ch vắng mặt nên tách ra để giải quyết theo một vụ án độc lập khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được công bố lời khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T O, Thành phố Hà Nội giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Huy Ch, hiện anh Ch đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện T O, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T O, Thành phố Hà Nội.

[2] Về Nội dung:

2.1 Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Huy Ch trước khi kết hôn có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, khi kết hôn hai người đủ độ tuổi quy định và không vi phạm điều cấm của pháp luật, việc kết hôn giữa hai anh chị hoàn toàn tự nguyện, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về quá trình chung sống vợ chồng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một năm sau đó xảy ra mâu thuẫn chị về nhà mẹ đẻ chị ở từ năm 2006, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét đời sống chung của hai người không còn, không có sự quan tâm, yêu thương chăm sóc nhau, do đó mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được. Căn cứ Điều 51; 56 luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th được ly hôn anh Ch là phù hợp.

2.2 Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Huy P, sinh ngày 15/7/2005 đã trưởng thành nên không xem xét .

2.3 Về tài sản chung; Công nợ: Quá trình giải quyết vụ án, anh Ch vắng mặt; tại phiên tòa chị Th đề nghị được ly hôn và không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ nên Tòa Không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho chị các đương sự trong vụ án khác nếu có tranh chấp.

[3] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều: 51, 53, 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Các Điều: 147, 227, 271, 272, 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Huy Ch.
- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Huy P, SN15/7/2005, đã trưởng thành.
- Về tài sản chung; Công nợ không xem xét trong vụ án này.
- Về án phí: Chị Nguyễn thị Th phải chịu: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0020585 ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T O.
- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/02/2024. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND Huyện T O;
- Các đương sự;
- UBND xã T ;
- Lưu Hồ Sơ vụ án

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Mai